TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 808/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thành Trung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Huỳnh Ngọc Kính**

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Xuân Thành**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10-Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 12/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vự 10-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1053/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1561/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Kiều O, sinh năm: 1991; Số CCCD: 082xxxxxx; Địa chỉ: Ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng T, sinh năm: 1987; Số CCCD: 079xxxxxxx; Địa chỉ: Ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các Đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2025, 20/11/2025, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Kiều O và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, đăng ký ngày 10/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến đầu năm 2025, thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà O đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Bà Ngô Thị Kiều O xác định giữa bà và ông Phạm Hồng T có 01 (một) con chung tên Phạm Nam K, sinh ngày 06/12/2023, đăng ký khai sinh ngày 12/12/2023 tại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ khi ly thân cho đến nay, con chung tên Phạm Nam K sống cùng mẹ và được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày hôm nay. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Nam K và không yêu cầu ông Phạm Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Kiều O xác định giữa bà và ông Phạm Hồng T hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Ngô Thị Kiều O xác định giữa bà và ông Phạm Hồng T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ngày 31/3/2026, bà O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Theo bản tự khai và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày:*

Ông Phạm Hồng T và bà Ngô Thị Kiều O có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, đăng ký ngày 10/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và sinh một con chung tên Phạm Nam K, sinh ngày 06/12/2023, đăng ký khai sinh ngày 12/12/2023 tại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do kinh tế khó khăn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà O dắt con chung về sinh sống cùng cha mẹ đẻ của bà O, không cho ông Thânh đến thăm nom chăm sóc con chung. Sau đó, bà O chỉ cho ông T đến thăm con chung mỗi tháng 1 (một) lần, sự việc này xảy ra kéo dài cho đến hôm nay.

Nay, ông T mong muốn tòa án giải quyết về phần con chung, do con còn nhỏ nên quyền nuôi con thuộc về bà O nhưng ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và bà O không được cản trở, tạo điều kiện cho cha con gặp nhau. Khi đến tuổi đi học thì ông T đề nghị Tòa án giao quyền nuôi con cho ông, vì nhà ông T gần trường hơn bà O. Sau này con chung lớn nhận thức được thì quyền quyết định của con muốn ở với ai thì do con quyết định. Vì tương lai của con, ông T cam kết sẽ dành thời gian, điều kiện, kinh tế tốt nhất cho con.

Ngoài ra, ngày 18/3/2026, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, do ông Phạm Hồng T và bà Ngô Thị Kiều O vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, do vụ án không thu thập chứng cứ thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia, nên không có phát biểu về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều O, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà O có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

Do ông Phạm Hồng T là bị đơn và có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 26/5/2025 của Quốc hội quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10-Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Ngày 18/3/2026 và ngày 31/3/2026, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà Ngô Thị Kiều O và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, đăng ký ngày 10/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét, hai bên phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà O nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/01/2026, ông T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để sửa sai và có trách nhiệm gia đình. Ngày 18/3/2026, ông T có bản tự khai đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và kèm theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Ngày 31/3/2026, bà O có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, với lý do ông T không hợp tác, không có trách nhiệm tham gia hòa giải, đồng thời nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Điều này đã thể hiện hai bên đã không còn tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ các Điều 19, 51

và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của bà O được ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung:

Bà Ngô Thị Kiều O xác định giữa bà và ông Phạm Hồng T có 01 (một) con chung tên Phạm Nam K, sinh ngày 06/12/2023, từ khi ly thân con chung sống cùng mẹ và được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày hôm nay. Ông T đồng ý giao con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng và cam kết dành thời gian, điều kiện kinh tế tốt nhất cho con, và bà O không có yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng.

Để bảo đảm quyền lợi về trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Việc giao con chung cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Phạm Nam K, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên yêu cầu của bà O được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Kiều O xác định giữa bà và ông Phạm Hồng T hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông T không có lời trình bày, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Ngô Thị Kiều O xác định giữa bà và ông Phạm Hồng T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông T không có lời trình bày, không có yêu cầu giải quyết về nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về ly hôn, quyền nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, ngày 26/5/2025 của Quốc hội quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân

dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều O.

- Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Kiều O ly hôn ông Phạm Hồng T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, đăng ký ngày 10/7/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm Nam K, sinh ngày 06/12/2023 (theo Giấy khai sinh số 226, đăng ký khai sinh ngày 12/12/2023 tại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Ngô Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông Phạm Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Ngô Thị Kiều O phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0047991 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Ngô Thị Kiều O ly hôn ông Phạm Hồng T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi,

bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thành Trung

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND KV10-Tp.Hồ Chí Minh;
- THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- UBND xã L, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

